

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2025
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Tú Nga
- Ông Phạm Ngọc Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1963; CCCD số 052163008464; cấp ngày 01/9/2021; Địa chỉ: 223B Nguyễn Thái H, Tp. Q, tỉnh Bình Định (Nay là phường QNN, tỉnh Gia Lai).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Hu, sinh năm: 1958; CCCD số 052058008666; cấp ngày 01/9/2021; Địa chỉ: 223B Nguyễn Thái H, Tp. Q, tỉnh Bình Định (Nay là phường QNN, tỉnh Gia Lai).

(Các bên đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Hồng trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức Hu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 và không có đăng ký kết hôn, gia đình hai bên chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục

truyền thống dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên. Hiện nay cha mẹ hai bên đều đã mất, họ hàng hai bên cũng có người lớn tuổi, có người mất nên không ai có thể làm chứng. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc bình thường, khoảng bốn năm trở lại đây ông Hu có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã khuyên nhưng ông không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà cho bà ly hôn ông Hu .

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông, bà có 04 con chung là: cháu Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981; cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983, cháu Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1985 và cháu Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm: 1992. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

- *Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thu Hu chung sống như vợ chồng từ năm 1979 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vẫn hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên, ba năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau. Hiện nay các con đã trưởng thành, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông, bà có 04 con chung là: cháu Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981; cháu Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983, cháu Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1985 và cháu Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm: 1992. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Hu theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu thống nhất vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1979 và không có đăng ký kết hôn, gia đình hai bên chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Tại công văn số 54/UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cát Tr về việc trả lời kiểm tra sổ hộ tịch: Qua kiểm tra sổ kết hôn từ năm 1979 cho đến nay thì không thấy tên bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963, CCCD số 052163008464, dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam và ông Nguyễn Đức Hu, sinh năm 1958, CCCD số 052058008666, dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu chung sống như vợ chồng từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu được xem là hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, tuy nhiên bốn năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H nguyên nhân là do ông Hu có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm bà bị tổn thương, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt nên bà yêu cầu được ly hôn ông Hu. Ông Hu cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau nên bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý. Xét thấy: mâu thuẫn giữa bà H và ông Hu diễn ra trong thời gian dài nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Đức Hu.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu có 04 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981, Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983, Nguyễn Đức H3, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1992. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Đức Hu.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu có 04 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981, Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983, Nguyễn Đức H3, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đức Hu không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi. Bà H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001804 ngày 10/6/2025 của chi Cục thi hành án dân sự Tp. Q (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Gia Lai).

5. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1- Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

